

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23-9-2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Vui

2. Ông Nguyễn Chí Vương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Phan Thị Kim D, sinh năm 1991.

Địa chỉ: 109 H, xã B, huyện C, TP.Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

*** Bị đơn:** Anh Bùi Quang C, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 9, KP.C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại bản trình bày ý kiến ngày 09/8/2022, nguyên đơn chị Phan Thị Kim D trình bày:

Chị Phan Thị Kim D và anh Bùi Quang C sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện về chung sống với nhau năm 2010, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống hạnh phúc với nhau đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị D quá tin tưởng bạn bè làm cho kinh tế gia đình gặp khó khăn, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Từ năm 2019, do không có tiếng nói chung nên chị D và anh C sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, chị D không muốn

chung sống với anh C nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị D và anh C có 02 người con chung là Bùi Phan Lâm H – sinh năm 2011 và Bùi Quang K, sinh năm 2013. Khi ly hôn chị D yêu cầu để anh Chúc trực tiếp nuôi con chung, các bên tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai vợ chồng không có nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Tại bản tự khai ngày 17/9/2022, bị đơn anh Bùi Quang C trình bày:

Anh C và chị D có đăng ký kết hôn tại xã T vào năm 2010. Hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị D có quan hệ tình cảm và chung sống rồi có con với người khác. Nay chị D yêu cầu ly hôn thì anh C đồng ý. Hai vợ chồng có 02 người con là Bùi Phan Lâm H – sinh năm 2011 và Bùi Quang K, sinh năm 2013. Khi ly hôn, anh C yêu cầu được nuôi cả 02 con chung và yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/1con cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tài sản chung: Không có. Nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và đã có đơn xin vắng mặt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn, giao con chung cho anh C nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phan Thị Kim D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Bùi Quang C cư trú tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Chị D, anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt chị D, anh C theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Kim D thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của các bên, giấy chứng nhận kết hôn thấy rằng: Chị D, anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân thị trấn T vào năm 2010. Mặc dù lời trình bày của các bên không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng đều thừa nhận từ năm 2018 thì đã không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa của các bên đã trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên không cần thiết kéo dài cuộc hôn nhân này. Chị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh C thì anh C đồng ý. Đây là sự tự nguyện của các bên, cần ghi nhận. Yêu cầu khởi kiện của chị D về phần này được chấp nhận.

Về con chung: Chị D, anh C có 02 người con là Bùi Phan Lâm H – sinh năm 2011 và Bùi Quang K, sinh năm 2013. Xét thấy hiện nay các cháu không sống với bố mẹ nhưng đều có nguyện vọng được chung sống với anh C, anh C và chị D đều yêu cầu để anh C được trực tiếp nuôi 02 cháu. Đây là sự tự nguyện của các bên, cần ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/1con. Tại bản trình bày ý kiến ngày 19/9/2022, chị D đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ/1 con. Đây là sự tự nguyện của các bên, cần ghi nhận.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 55, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Kim D và anh Bùi Quang C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 130/2010 ngày 19/11/2010 của Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao 02 con chung Bùi Phan Lâm H – sinh ngày 21/7/2011 và Bùi Quang K, sinh ngày 07/9/2013 cho anh Bùi Quang C trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phan Thị Kim D phải cấp dưỡng nuôi 02 cháu Bùi Phan Lâm H và Bùi Quang K mỗi tháng 1.000.000đ/01 cháu.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

Về án phí: Chị Phan Thị Kim D phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014102 ngày 10/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước. Chị D còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn T;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Minh Hải

